

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga, bà Nguyễn Thị Thuý Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1045/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1979
Địa chỉ: xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 09 năm 2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án N đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N chung sống với nhau vào năm 2008, do hai bên tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng đăng ký kết hôn số 28 quyển số 01/2008 cấp ngày 08/03/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến ngày 07 tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn N nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông Nguyễn Thành N đã dọn đồ ra sống riêng cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà N yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành N

Về con chung: có 01 người con chung là Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ. Trẻ N đang sống cùng với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu toà giải quyết

- *Tại Bản tự khai ngày 02/11/2020 bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Ông N và bà N quen nhau 4 năm, năm 2008 tiến đến hôn nhân, có 01 con chung tên Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ. Trẻ Nhi đang sống cùng với bà N. Ông N vẫn thường xuyên lui tới chăm sóc. Bà N đã không còn sống chung với ông từ năm 2015. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N, ông N không đồng ý vì con còn nhỏ, sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2020, trẻ Nguyễn N N N trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì trẻ xin được ở với mẹ.

Toà án đã triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải vào ngày 10/11/2020 và 18/12/2020 nhưng ông Nguyễn Thành N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

N đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện. bà N yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: có 01 người con chung là Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ. Trẻ Nhi đang sống cùng với bà N. bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu toà giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà N vì nếu đồng ý ly hôn thì bà N lại đi lấy chồng khác con ông sẽ không được chăm sóc tốt, hiện nay con ông đang sống với bà N, ông không có điều kiện chăm sóc, nếu có điều kiện ông sẽ nuôi. Việc bà N xin ly hôn là vì bà N ngoại tình với người đàn ông khác nhưng ông không có chứng cứ để cung cấp cho Toà án. Ông thừa nhận ông và bà N không còn sống chung từ ngày 07/5/2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh bà Nguyễn Thị Thuý Hiền, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày tại tòa án, thấy rằng giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N trong đời sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài, đời sống hôn nhân không đạt được và đã không còn chung sống với nhau. Việc ông N không đồng ý ly hôn với bà N vì cho rằng ảnh hưởng đến con chung nhưng ông N không có bất cứ tác động nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nên ý kiến không đồng ý ly hôn của ông N là không có cơ sở. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng N đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Ông Nguyễn Thành N cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N nên hôn nhân giữa bà N và ông N là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N chung sống và kết hôn từ ngày 08/3/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Từ năm 2015 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, bà N và ông N đã không còn chung sống từ ngày 07 tháng 5 năm 2015 đến nay. Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Hồng N vẫn giữ N yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Theo lời khai của ông N thì ông thừa nhận ông và bà N đã không còn chung sống với nhau từ ngày 07 tháng 5 năm 2015 cho đến nay nhưng ông cũng thường xuyên lui tới thăm con chung. Tòa án triệu tập ông N vào ngày 10/11/2020 và 18/12/2020 để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Thành N vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông N cho rằng bà N ngoại tình nên mới xin ly hôn nhưng ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông Nguyễn Thành N không đồng ý ly hôn với bà N vì thương con nhưng ông N không có bất cứ tác động nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc ông N không đồng ý ly hôn là không có cơ sở.

Ngày 10/11/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà N và ông N tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh trả lời như sau: Qua rà soát sổ bộ Đăng ký kết hôn hiện lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh thể hiện thông tin bà N và ông N có Đăng ký kết hôn. Ngoài thông tin trên Ủy ban nhân dân xã chưa tiếp nhận thông tin chưa tổ chức hoà giải mâu thuẫn giữa bà N và ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh cũng có đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N.

Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 người con chung là Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ. Trẻ N đang sống cùng với bà N. Bà Nguyễn Thị Hồng N xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2020, trẻ Nguyễn N N N trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì trẻ xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc xin nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N về việc xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Thị Hồng N

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn N N N, sinh ngày 18/12/2009, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0080162 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Toàn